

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: **1155/NL&MT-KDVT**

Hà Nội, ngày **28** tháng **9** năm 2026

V/v: Thư mời chào giá Vận chuyển trọn gói
than cám từ KV Quảng Ninh/Hải
Phòng/Ninh Bình đi XM Hà Tiên”

Kính gửi: Quý khách hàng

Lời đầu tiên, Công ty Cổ Phần Năng lượng và Môi trường VICEM (Vicem E&E) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Công ty.

Hiện nay, Vicem E&E đang có nhu cầu vận chuyển than cám từ KV Quảng Ninh/Hải Phòng/Ninh Bình đi XM Hà Tiên.

Vicem E&E kính đề nghị Quý Công ty quan tâm gửi cho chúng tôi hồ sơ chào giá dịch vụ vận chuyển, với các thông tin cơ bản như sau:

1. Gói dịch vụ và khối lượng vận chuyển:

TT	Gói dịch vụ	Khối lượng dự kiến (tấn)
I	Gói 10: Vận chuyển trọn gói than cám từ KV Quảng Ninh/Hải Phòng đi XM Hà Tiên	60.000
1	Từ KV Quảng Ninh/Hải Phòng đi XM Kiên Lương	30.000
2	Từ KV Quảng Ninh/Hải Phòng đi XM Bình Phước	30.000
II	Gói 11: Vận chuyển trọn gói than cám từ KV Ninh Bình đi XM Hà Tiên	30.000
1	Từ KV Ninh Bình đi XM Kiên Lương	15.000
2	Từ KV Ninh Bình đi XM Bình Phước	15.000
	TỔNG CỘNG	90.000

2. Thời gian thực hiện: đến hết ngày 31/03/2027.

3. Đơn giá chào xây dựng trên cơ sở giá dầu Diezen ngày 27/08/2026 là 28.080 đồng/lít (đã gồm VAT).

4. Thời hạn gửi Hồ sơ chào giá: 10h00 ngày 05/10/2026.

5. Hồ sơ chào giá gồm:

- Thư chào giá được ký, đóng dấu bởi người có thẩm quyền (*bản gốc*).
- Giấy đăng ký kinh doanh có danh mục ngành nghề phù hợp gói dịch vụ (*bản sao*).
- Giấy cam kết là đơn vị hạch toán độc lập; Không đang trong quá trình giải thể, lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả; Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu; Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (*bản gốc*).
- Hợp đồng vận tải tương tự đã thực hiện trong vòng 3 năm trở lại đây (từ 1/1/2023- đến thời điểm nộp hồ sơ chào giá) (*bản sao*): tối thiểu 01 hợp đồng.
- Yêu cầu về phương tiện, thiết bị (phương tiện, thiết bị thuộc sở hữu hoặc đi thuê), phương án thực hiện:

+ Tổng tải trọng phương tiện vận tải thủy nội địa cấp SB (sông pha biển), tàu biển ≥ 2.500 tấn.

+ Có phương án thực hiện (kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ) hoặc cam kết bảo đảm khả năng huy động phương tiện bốc xếp, vận chuyển đường sông, vận chuyển ô tô từ Cảng KV TP Hồ Chí Minh tới NMXM Kiên Lương, NMXM Bình Phước.

6. Các nội dung khác: như Dự thảo hợp đồng gửi kèm theo.

7. Hình thức gửi Hồ sơ chào giá:

- Hồ sơ chào giá được dán niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ các thông tin: Tên đơn vị chào giá, Tên gói dịch vụ.

- Thư chào giá được gửi qua bưu điện hoặc gửi trực tiếp.

- Địa chỉ nhận Hồ sơ chào giá:

Công ty CP Năng lượng và Môi trường VICEM.

Địa chỉ: Số 21B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội.

SĐT người nhận: Ms. Oanh: 097.8080.662.

VICEM E&E rất mong nhận được sự quan tâm và phản hồi của Quý Công ty./.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Cty;
- Lưu VT, P.KDVT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Khắc Mạnh

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

(Kèm theo công văn số: /NL&MT-KDVT ngày / /2026)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng năm....

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN TRỌN GÓI

Gói số 10: “Vận chuyển trọn gói than cám từ KV Quảng Ninh/Hải Phòng đến bến cảng NMXM Kiên Lương, kho NMXM Bình Phước”

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NL&MT ngày .../.../2026 của Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói số 10: “Vận chuyển trọn gói than cám từ KV Quảng Ninh/Hải Phòng đến bến cảng NMXM Kiên Lương, kho NMXM Bình Phước”;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ký ngày .../ /2026;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

- Ông : **Trần Khắc Mạnh** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Địa chỉ : **Số 21B Cát Linh - Phường Ô Chợ Dừa - TP Hà Nội.**
- Điện thoại : **043.8457328/043.8457458** - Fax: **04.38457186**
- Tài khoản : **113000093007**
- Tại : **NHTMCP Công thương VN – CN Chương Dương, Hà Nội.**
- Mã số thuế : **0100106352**
- GCN ĐKKD : **Số 0100106352 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/04/2006 và thay đổi lần thứ 18 ngày 19/07/2025.**

2. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B) :

- Ông : - Chức vụ:
- Địa chỉ :
- Điện thoại :
- Tài khoản số :
- Mã số thuế :
- GCN ĐKKD:

Hai bên thoả thuận, thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển với nội dung sau:

ĐIỀU I. TUYỂN VẬN CHUYỂN, KHỐI LƯỢNG, LOẠI HÀNG:

Bên A thuê bên B vận chuyển trọn gói than cám từ KV Quảng Ninh/Hải Phòng đến bến cảng NMXM Kiên Lương, kho NMXM Bình Phước, cụ thể như sau:

- Loại hàng: Than cám theo TCVN.
- Khối lượng: Theo kế hoạch xác báo chuyển của bên A.
- Phương tiện/tác nghiệp vận chuyển: Tàu biển/SB, bốc xếp, vận chuyển: sà lan, cầu nổi, cầu bờ, ô tô.
- Tuyển vận chuyển:

TT	Nơi nhận hàng	Nơi trả hàng	Khối lượng vận chuyển
1	Khu vực Quảng Ninh/ Hải Phòng	Bến cảng nhà máy Xi măng Kiên Lương (Áp Lò Bom, Xã Kiên Lương, Tỉnh An Giang).	theo xác báo
2		Bãi chứa than Nhà máy Xi măng Bình Phước (Khu phố Thanh Bình, Phường An Lộc, Thành phố Đồng Nai).	

ĐIỀU II. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN:**1. Trách nhiệm của bên A:**

- Xác báo kế hoạch vận chuyển hàng tháng và điều chỉnh kế hoạch xác báo khi nhu cầu vận chuyển thay đổi cho bên B.
- Chuẩn bị nguồn hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của hàng hoá.
- Trừ trường hợp bất khả kháng theo luật định, sau khi bên B xác báo cho bên A thời gian phương tiện sẵn sàng nhận hàng, trong vòng 96 giờ bên A có trách nhiệm bố trí hàng hóa và cung cấp đầy đủ giấy tờ theo quy định để phương tiện của bên B hành trình. Trường hợp quá 96 giờ sau khi bên B sẵn sàng mà bên A chưa hoàn tất các thủ tục liên quan để phương tiện của bên B hành trình thì hai bên trao đổi, thống nhất mức hỗ trợ phí lưu bến cho phương tiện của bên B.
- Tổ chức xếp hàng (theo trọng tải đăng kiểm của phương tiện) tại đầu nguồn đảm bảo an toàn.
- Giao hàng xuống phương tiện tàu biển của bên B và nhận hàng tại nhà cân của Nhà máy Xi măng Bình Phước và nhà máy xi măng Kiên Lương.
- Bên A giao cho các chi nhánh của Công ty Cổ phần Năng Lượng và Môi Trường VICEM tại Quảng Ninh/Hải Phòng, Tổ giao nhận của Bên A tổ chức giao nhận, thiết lập lưu giữ các chứng từ về vận tải hàng hoá, phối hợp điều hành và giải quyết các phát sinh khác. Xác nhận của đại diện bên A là cơ sở cho việc thanh toán và thanh lý hợp đồng.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Cấp phương tiện vận chuyển theo xác báo của bên A theo tiến độ, khối lượng và phải chịu trách nhiệm bảo quản hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển từ nơi gửi hàng đến nơi trả hàng. Nếu để xảy ra hao hụt hàng hóa trong quá trình vận chuyển, bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường cho bên A (Quy định tại: **Điều V: Nguyên tắc đối chiếu và bồi thường hàng hóa**).

- Mua bảo hiểm phương tiện, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm hàng hóa.

- Yêu cầu phương tiện:

+ Phương tiện chính chủ hoặc có ủy quyền khai thác.

+ Đủ giấy tờ hợp pháp theo quy định và không chở quá tải theo đăng kiểm.

+ Vệ sinh sạch sẽ phương tiện trước khi tiến hành giao, nhận hàng hoá.

+ Chấp hành các quy định của pháp luật trên đường vận chuyển và các quy định riêng tại các bến, cảng giao nhận hàng hóa.

+ Có đầy đủ trang thiết bị để niêm phong kẹp chì, bảo vệ, bảo quản, bạt che hết hầm chứa hàng để đảm bảo: phòng, tránh không để tăng độ ẩm, mất phẩm cấp (nhảy cấp, suy giảm chất lượng) hàng hoá trong quá trình xếp, dỡ, vận chuyển và giao nhận kể cả mùa mưa bão.

+ Có đầy đủ trang thiết bị giám sát hành trình (hoặc camera hành trình) và phải cung cấp thông tin về hành trình phương tiện (khi có yêu cầu).

- Yêu cầu xếp dỡ, vận chuyển ô tô cuối nguồn:

+ Năng suất xếp dỡ tối thiểu: 1.000 tấn/ngày.

+ Năng suất vận chuyển ô tô tối thiểu: 1.000 tấn/ngày.

+ Loại xe: xe ô tô tự đổ.

Bên B cam kết thực hiện:

+ Đáp ứng đủ phương tiện theo xác báo của VICEM E&E.

+ Trả lời xác báo, huy động phương tiện (tàu biển) sẵn sàng làm hàng tại bến/cảng KV Quảng Ninh/Hải Phòng trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm ghi trên xác báo của VICEM E&E. Nếu không huy động được hoặc quá thời gian trên (quá 05 ngày) Bên B sẽ phải bồi thường cho VICEM E&E 20.000.000 đồng/ngày chậm tàu (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

+ Thời gian chờ tối thiểu tại bến/cảng KV Quảng Ninh/Hải Phòng là 05 ngày kể từ thời điểm phương tiện có mặt sẵn sàng làm hàng. Trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm phương tiện có mặt sẵn sàng làm hàng mà phương tiện tự ý bỏ đi hoặc không chịu rót hàng Bên B sẽ phải bồi thường cho VICEM E&E 20.000.000 đồng/ngày (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

+ Chuẩn bị phương tiện dỡ hàng từ tàu biển tại KV phía Nam để chia lượng hàng đi Kiên Lương/Bình Phước khi có yêu cầu của VICEM E&E.

ĐIỀU III. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA, KHỐI LƯỢNG GIAO NHẬN VÀ TỶ LỆ HAO HỤT HÀNG HÓA:

1. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA:

1.1 Tại đầu nguồn:

Trước khi tiến hành giao hàng lên phương tiện cho bên B chuyên chở. Đại diện hai bên cùng tiến hành kiểm tra kết cấu và các giấy tờ pháp lý, các trang thiết bị bảo quản hàng hóa, niêm phong kẹp chì của phương tiện theo quy định tại Điều II, nếu phương tiện đủ điều kiện chuyên chở sẽ tiến hành các bước tiếp theo để giao, nhận hàng.

- Giao nhận qua cân (hoặc mỏn nước) do Công ty Cổ phần giám định thuộc Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc hoặc do các đơn vị bán than cho bên A lựa chọn tại hợp đồng mua bán than của bên A chủ trì thực hiện và cung cấp kết quả giao nhận.

+ Giao nhận qua cân: Theo phương thức, quy định tại cảng xếp, dỡ.

+ Giao nhận mỏn nước: Theo quy định về giao nhận bằng giám định mỏn nước hiện hành.

- Đại diện các bên cùng tham gia giao nhận: lấy mẫu, chia mẫu, phân tích mẫu, lưu mẫu, đối chiếu và khiếu nại kết quả phân tích với bên A (Trong trường hợp khiếu nại về kết quả phân tích bên B phải có văn bản thông báo).

1.2 Tại cuối nguồn:

- **Trường hợp giao hàng trên sà lan tại cảng của Nhà máy Kiên Lương (Áp Lò Bom, Xã Kiên Lương, Tỉnh An Giang):** Khối lượng giao nhận giữa hai bên được xác định theo kết quả giám định mỏn nước sà lan tại nơi giao hàng do đơn vị giám định độc lập thực hiện.

- **Trường hợp giao hàng tại Nhà máy xi măng Bình Phước (Khu phố Thanh Bình, Phường An Lộc, Thành phố Đồng Nai):** Khối lượng giao nhận hàng được xác định qua bàn cân điện tử tại nơi giao hàng căn cứ theo kết quả chứng thư giám định do đơn vị giám định độc lập phát hành.

- Kết quả giao nhận khối lượng, chất lượng tại bến cảng nhà máy xi măng Kiên Lương, nhà máy Xi măng Bình Phước do đơn vị giám định độc lập thực hiện và cung cấp kết quả.

- Đại diện các bên cùng tham gia giao nhận: lấy mẫu, chia mẫu, phân tích mẫu, lưu mẫu và đối chiếu và khiếu nại kết quả phân tích với bên A.

- Độ ẩm của than giao nhận tại cảng dỡ hàng không được vượt quá so với độ ẩm của than tại cảng xếp hàng và quy định của các Công ty xi măng. Nếu vi phạm bên A tính phạt vượt ẩm theo cách tính của các Công ty xi măng phạt trừ bên A, đơn vị mua than của bên A dừng giao nhận, bên A không chịu trách nhiệm về thời gian chờ đợi và có thể từ chối vận chuyển các chuyến tiếp theo của đoàn phương tiện.

2. KHỐI LƯỢNG HÀNG GIAO NHẬN, TỶ LỆ HAO HỤT HÀNG HÓA

2.1. Khối lượng giao nhận:

- Khối lượng hàng hoá giao nhận cuối nguồn là khối lượng ứng với độ ẩm thực tế giao nhận tại Nhà máy sau khi được quy đổi về độ ẩm theo hợp đồng mua than của bên A để tính hao hụt theo công thức TCVN 319- 69.

- Khối lượng tính cước: Là số tấn ứng với độ ẩm thực tế rót xuống phương tiện tại khu vực Hải Phòng (Trường hợp rót thiếu tải do hết than có xác nhận của bên bán than do thiếu nguồn hàng, bên B được thanh toán theo trọng tải đăng kiểm).

2.2. Hao hụt tự nhiên và sai số cân toàn tuyến:

- + KV Quảng Ninh/Hải Phòng ÷ Nhà máy xi măng Kiên Lương: Không quá 0,5%.
- + KV Quảng Ninh/Hải Phòng ÷ Nhà máy xi măng Bình Phước: Không quá 0,7%.

ĐIỀU IV. KHỐI LƯỢNG, ĐƠN GIÁ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

1. Đơn giá vận chuyển:

STT	Nội dung	Khối lượng dự kiến (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)		Thành tiền chưa gồm thuế GTGT (đồng)
			Chưa bao gồm thuế GTGT	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	
1	Vận chuyển trọn gói than cám bằng đường biển từ KV Quảng Ninh/Hải Phòng đến bến cảng NMXM Kiên Lương	30.000			
2	Vận chuyển trọn gói than cám bằng đường biển từ KV Quảng Ninh/Hải Phòng đến kho NMXM Bình Phước	30.000			
	Tổng cộng (chưa gồm thuế GTGT)				
	Thuế GTGT 8%				
	Tổng cộng (đã gồm thuế GTGT 8%)				

(Đơn giá trên ứng với giá Dầu diesel 0,05S-II được tập đoàn xăng dầu Việt Nam Petrolimex niêm yết ngày 10/09/2026 là 28.480 đ/lít - đã bao gồm thuế GTGT)

- Sản lượng cam kết vận chuyển từ các cảng KV Quảng Ninh/Hải Phòng đến bến cảng NMXM Kiên Lương, kho NMXM Bình Phước dự kiến là: 60.000 tấn x 60% = 36.000 tấn (theo xác báo cụ thể).

- Nếu bên B không hoàn thành kế hoạch theo xác báo:

+ Phạt 5% giá trị cước, trừ trường hợp có lý do chính đáng (thiếu nguồn than, chờ đợi 02 đầu bến nhiều ngày làm ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng phương tiện và các lý do khác không phải do lỗi của bên B đã được bên A xác nhận).

+ Đồng thời bên A sẽ chủ động phân bổ khối lượng vận tải đã cam kết trên của bên B cho đơn vị khác vận chuyển.

- Kết thúc tháng hai bên lập biên bản xác nhận khối lượng thực hiện vận chuyển các tuyến theo xác báo (giữa đại diện bên A tại đầu nguồn và bên B) để làm cơ sở thanh toán cước tháng.

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản, bù trừ công nợ.

3. Thời hạn thanh toán: Sau khi bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán do bên B cung cấp, bên A sẽ chuyển khoản cho bên B sau 15 ngày.

4. Chứng từ thanh toán gồm:

- 4.1. Hoá đơn GTGT của bên B.
- 4.2. Giấy vận chuyển hàng hóa.
- 4.3. Biên bản giao, nhận hàng hoá hai đầu.

4.4. Hoá đơn GTGT của bên bán than (bản sao).

5. Chứng từ kiểm soát:

5.1. Lệnh điều động hàng hóa

5.2. Biên bản kiểm tra phương tiện và niêm phong kẹp chì đầu nguồn.

5.3. Phiếu chất lượng hai đầu.

5.4. Các biên bản phổ thông phát sinh khác (nếu có).

ĐIỀU 5. NGUYÊN TẮC ĐỐI CHIẾU VÀ BỒI THƯỜNG HÀNG HÓA:

1. Nguyên tắc đối chiếu:

- Khối lượng hàng hoá vận chuyển được đối chiếu theo tuyến vận chuyển và theo chủng loại than.

- Kết thúc hợp đồng hai bên đối chiếu khối lượng hàng hoá, các phát sinh khác (nếu có) làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

2. Bồi thường hàng hoá:

- Khối lượng tính hao hụt hàng hoá quy về độ ẩm mua hàng đầu nguồn theo hợp đồng mua than của bên A (trước khi phạt các yếu tố khác như tăng ẩm, nhảy cấp).

2.1. Bồi thường hàng hóa (nếu còn niêm phong kẹp chì):

- Lượng hàng hoá thiếu hụt từng chuyến ứng với tỷ lệ hao hụt thực tế $\leq 1,8\%$ so với hàng nhận tại đầu nguồn thì được bù trừ và áp dụng tỷ lệ hao hụt tự nhiên sai số đo mớn, cân cho phép (0,5% đối với vận chuyển đi Kiên Lương hoặc 0,7% đối với vận chuyển đi Bình Phước). Kết thúc hợp đồng, sau khi bù trừ nếu quá tỷ lệ bên B phải bồi thường phần quá tỷ lệ đó.

- Lượng hàng hoá thiếu hụt từng chuyến ứng với tỷ lệ hao hụt thực tế $> 1,8\%$ so với hàng nhận tại đầu nguồn bên B không được bù trừ và không được tính tỷ lệ hao hụt tự nhiên và sai số đo mớn, cân cho phép (0,5% đối với vận chuyển đi Kiên Lương hoặc 0,7% đối với vận chuyển đi Bình Phước), mà phải bồi thường toàn bộ số hàng thiếu của chuyến đó.

- Hàng hoá thiếu hụt, tổn thất trong mọi trường hợp kể cả rủi ro (va đập vào đá ngầm, chìm, đắm...) bồi thường 100% khối lượng theo mức: 100% giá bán than của bên A theo hoá đơn cuối nguồn, bao gồm cả thuế GTGT hiện hành (trừ trường hợp bất khả kháng theo luật định).

2.2. Phạt vượt ẩm quá quy định:

- Trường hợp vận chuyển thẳng đến các Công ty xi măng: Nếu độ ẩm cuối nguồn cao hơn đầu nguồn và quá quy định của các Công ty xi măng thì bên B chịu phạt khấu trừ khối lượng hàng hóa theo quy định của các Công ty xi măng phạt trừ bên A.

- Trường hợp vận chuyển đến các Công ty XM chưa phạt trừ vượt ẩm quá quy định hoặc vận chuyển qua bãi thì áp dụng: Nếu độ ẩm than cuối nguồn tăng quá 1,5 % so với đầu nguồn mà bên B được tiến hành trả hàng: Ngoài việc tính toán quy đổi để giao nhận hàng hoá theo quy định hiện hành bên B sẽ bị phạt bổ xung phần thủy phần làm tăng độ ẩm than quá 1,5% theo TCVN: 319- 69 như sau:

$$M_{ph} = M_{CN} \times \frac{(W_{CN} - 1,5) - W_{ĐN}}{100 - W_{ĐN}}$$

Trong đó:

- M_{Ph} : Khối lượng nước bị phạt trừ (tấn).
- M_{CN} : Khối lượng hàng ứng với độ ẩm thực tế cuối nguồn(tấn).
- W_{DN} : Độ ẩm thực tế đầu nguồn (%).
- W_{CN} : Độ ẩm thực tế cuối nguồn (%)
- Giá trị tính phạt do độ ẩm tăng quá 1,5 % sẽ là:
Tiền phạt = M_{Ph} x giá mua than của bên A theo hoá đơn đầu nguồn.

2.3. Phạt do suy giảm chất lượng:

Nếu bên A phát hiện bên B thay đổi chất lượng than so với đầu nguồn, bên B phải bồi thường cho bên A:

a. Trường hợp than bị nhảy cấp:

Bồi thường 200% giá trị chênh lệch ứng với khối lượng hàng vận chuyển nhảy từ cấp than “A” xuống cấp than “B” theo giá bán than của đơn vị bán than cho bên A tại đầu nguồn và toàn bộ các chi phí phát sinh (nếu có).

Ngoài việc bồi thường thiệt hại trên bên A có thể tăng cường thêm một số biện pháp :

- Mức phạt bổ xung cho hành vi làm suy giảm chất lượng than từ 50-100% giá trị thiệt hại (hoặc 15% giá trị lô hàng).
- Dừng vận chuyển đối với đoàn phương tiện hoặc dừng HĐKT tùy thuộc vào mức độ vi phạm.
- Đề nghị truy tố trước pháp luật về tội chiếm đoạt tài sản.

b. Trường hợp than chưa nhảy cấp:

b.1: Phạt giá trị chênh lệch ứng với khối lượng hàng có độ tro $A^{k\%} > 0,5\%$ so với đầu nguồn theo công thức:

$$M_{Phat} = M^{mua hàng}_{DN} [A^{k_{CN}} - (A^{k_{DN}} + 0,5)] / A^{k_{DN}}$$

Trong đó:

- M_{Phat} : Khối lượng bị phạt trừ (tấn).
- $M^{mua hàng}_{DN}$: Khối lượng hàng ứng với độ ẩm mua hàng đầu nguồn(tấn).
- $A^{k_{CN}}$: Độ tro thực tế cuối nguồn (%).
- $A^{k_{DN}}$: Độ tro thực tế tại đầu nguồn(%)

Giá trị tính phạt do độ tro tăng $> 0,5\%$ sẽ là:

Tiền phạt = M_{Phat} x giá mua than của bên A theo hoá đơn đầu nguồn.

b.2: Phạt giá trị chênh lệch ứng với khối lượng hàng có nhiệt năng Q^K của than cuối nguồn thấp hơn so với đầu nguồn theo công thức:

$$M_{Phat} = M^{mua hàng}_{DN} [(Q^{k_{DN}} - Q^{k_{CN}}) / Q^{k_{DN}}]$$

Trong đó:

- M_{Phat} : Khối lượng bị phạt trừ (tấn).
- $M^{mua hàng}_{DN}$: Khối lượng hàng ứng với độ ẩm mua hàng đầu nguồn(tấn).
- $Q^{k_{CN}}$: Nhiệt năng thực tế cuối nguồn.
- $Q^{k_{DN}}$: Nhiệt năng thực tế tại đầu nguồn.

Giá trị tính phạt nhiệt năng sẽ là:

Tiền phạt = M_{Phat} x giá mua than của bên A theo hoá đơn đầu nguồn.

ĐIỀU 6. CAM KẾT CHUNG:

- Trường hợp có sự biến động về giá dầu tăng, giảm từ 10% trở lên, hai bên trao đổi, thống nhất điều chỉnh giá cước vận chuyển bằng phụ lục hợp đồng. Cơ sở điều chỉnh

đơn giá hợp đồng: “Bảng chiết tính đơn giá cho 01 tấn than” kèm theo hợp đồng. Trường hợp thị trường có sự biến động giá hoặc phát sinh các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá cước, hai bên cũng có thể thương thảo để điều chỉnh đơn giá phù hợp.

- Hai bên cam kết thi hành nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ những điều khoản và nội dung đã ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hai bên chủ động gặp nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không thương lượng được thì sẽ đưa ra tòa án có thẩm quyền tại TP. Hà Nội để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Phán quyết của tòa án sẽ là quyết định cuối cùng được hai bên thực hiện.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, bên A: 02 bản, bên B: 02 bản có nội dung, giá trị giống nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/03/2027.

ĐẠI DIỆN BÊN A

.....

ĐẠI DIỆN BÊN B

.....

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

(Kèm theo công văn số: /NL&MT-KDVT ngày / /2026)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng năm....

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN TRỌN GÓI

Gói số 11: “Vận chuyển trọn gói than cám từ KV Ninh Bình đến bến cảng NMXM Kiên Lương, kho NMXM Bình Phước”

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NL&MT ngày .../.../2026 của Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói số 11: “Vận chuyển trọn gói than cám từ KV Ninh Bình đến bến cảng NMXM Kiên Lương, kho NMXM Bình Phước”;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ký ngày .../.../2026;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

- Ông : **Trần Khắc Mạnh** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Địa chỉ : **Số 21B Cát Linh - Phường Ô Chợ Dừa - TP Hà Nội.**
- Điện thoại : **043.8457328/043.8457458** - Fax: **04.38457186**
- Tài khoản : **113000093007**
- Tại : **NHTMCP Công thương VN – CN Chương Dương, Hà Nội.**
- Mã số thuế : **0100106352**
- GCN ĐKKD : **Số 0100106352 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/04/2006 và thay đổi lần thứ 18 ngày 19/07/2025.**

2. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B):

- Ông : - Chức vụ:
- Địa chỉ :
- Điện thoại :
- Tài khoản số:
- Mã số thuế :
- GCN ĐKKD:

Hai bên thoả thuận, thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển với nội dung sau:

ĐIỀU I. TUYỂN VẬN CHUYỂN, KHỐI LƯỢNG, LOẠI HÀNG:

Bên A thuê bên B vận chuyển trọn gói than cám từ KV Ninh Bình đến bến cảng NMXM Kiên Lương, kho NMXM Bình Phước, cụ thể như sau:

- Loại hàng: Than cám theo TCVN.
- Khối lượng: Theo kế hoạch xác báo chuyển của bên A.
- Phương tiện/tác nghiệp vận chuyển: Tàu biển/SB, bốc xếp, vận chuyển: sà lan, cầu nổi, cầu bờ, ô tô.
- Tuyển vận chuyển:

TT	Nơi nhận hàng	Nơi trả hàng	Khối lượng vận chuyển
1	Khu vực Ninh Bình	Bến cảng nhà máy Xi măng Kiên Lương (Ấp Lò Bom, Xã Kiên Lương, Tỉnh An Giang).	theo xác báo
2		Bãi chứa than Nhà máy Xi măng Bình Phước (Khu phố Thanh Bình, Phường An Lộc, Thành phố Đồng Nai).	

ĐIỀU II. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN:

1. Trách nhiệm của bên A:

- Xác báo kế hoạch vận chuyển hàng tháng và điều chỉnh kế hoạch xác báo khi nhu cầu vận chuyển thay đổi cho bên B.
- Chuẩn bị nguồn hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của hàng hoá.
- Trừ trường hợp bất khả kháng theo luật định, sau khi bên B xác báo cho bên A thời gian phương tiện sẵn sàng nhận hàng, trong vòng 96 giờ bên A có trách nhiệm bố trí hàng hóa và cung cấp đầy đủ giấy tờ theo quy định để phương tiện của bên B hành trình. Trường hợp quá 96 giờ sau khi bên B sẵn sàng mà bên A chưa hoàn tất các thủ tục liên quan để phương tiện của bên B hành trình thì hai bên trao đổi, thống nhất mức hỗ trợ phí lưu bến cho phương tiện của bên B.
- Tổ chức xếp hàng (theo trọng tải đăng kiểm của phương tiện) tại đầu nguồn đảm bảo an toàn.
- Giao hàng xuống phương tiện tàu biển của bên B và nhận hàng tại nhà cân của Nhà máy Xi măng Bình Phước và nhà máy xi măng Kiên Lương.
- Bên A giao cho các chi nhánh của Công ty Cổ phần Năng Lượng và Môi Trường VICEM tại Ninh Bình, Tổ giao nhận của Bên A tổ chức giao nhận, thiết lập lưu giữ các chứng từ về vận tải hàng hoá, phối hợp điều hành và giải quyết các phát sinh khác. Xác nhận của đại diện bên A là cơ sở cho việc thanh toán và thanh lý hợp đồng.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Cấp phương tiện vận chuyển theo xác báo của bên A theo tiến độ, khối lượng và phải chịu trách nhiệm bảo quản hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển từ nơi gửi

hàng đến nơi trả hàng. Nếu để xảy ra hao hụt hàng hóa trong quá trình vận chuyển, bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường cho bên A (Quy định tại Điều V: Nguyên tắc đối chiếu và bồi thường hàng hóa).

- Mua bảo hiểm phương tiện, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm hàng hóa.

- Yêu cầu phương tiện:

- + Phương tiện chính chủ hoặc có ủy quyền khai thác.

- + Đủ giấy tờ hợp pháp theo quy định và không chở quá tải theo đăng kiểm.

- + Vệ sinh sạch sẽ phương tiện trước khi tiến hành giao, nhận hàng hoá.

- + Chấp hành các quy định của pháp luật trên đường vận chuyển và các quy định riêng tại các bến, cảng giao nhận hàng hóa.

- + Có đầy đủ trang thiết bị để niêm phong kẹp chì, bảo vệ, bảo quản, bạt che hết hầm chứa hàng để đảm bảo: phòng, tránh không để tăng độ ẩm, mất phẩm cấp (nhảy cấp, suy giảm chất lượng) hàng hoá trong quá trình xếp, dỡ, vận chuyển và giao nhận kể cả mùa mưa bão.

- + Có đầy đủ trang thiết bị giám sát hành trình (hoặc camera hành trình) và phải cung cấp thông tin về hành trình phương tiện (khi có yêu cầu).

- Yêu cầu xếp dỡ, vận chuyển ô tô cuối nguồn:

- + Năng suất xếp dỡ tối thiểu: 1.000 tấn/ngày.

- + Năng suất vận chuyển ô tô tối thiểu: 1.000 tấn/ngày.

- + Loại xe: xe ô tô tự đổ.

Bên B cam kết thực hiện:

- + Đáp ứng đủ phương tiện theo xác báo của VICEM E&E.

- + Trả lời xác báo, huy động phương tiện (tàu biển) sẵn sàng làm hàng tại bến/cảng KV Ninh Bình trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm ghi trên xác báo của VICEM E&E. Nếu không huy động được hoặc quá thời gian trên (quá 05 ngày) Bên B sẽ phải bồi thường cho VICEM E&E 20.000.000 đồng/ngày chậm tàu (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

- + Thời gian chờ tối thiểu tại bến/cảng KV Ninh Bình là 05 ngày kể từ thời điểm phương tiện có mặt sẵn sàng làm hàng. Trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm phương tiện có mặt sẵn sàng làm hàng mà phương tiện tự ý bỏ đi hoặc không chịu rót hàng Bên B sẽ phải bồi thường cho VICEM E&E 20.000.000 đồng/ngày (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

- + Chuẩn bị phương tiện dỡ hàng từ tàu biển tại KV phía Nam để chia lượng hàng đi Kiên Lương/Bình Phước khi có yêu cầu của VICEM E&E.

ĐIỀU III. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA, KHỐI LƯỢNG GIAO NHẬN VÀ TỶ LỆ HAO HỤT HÀNG HÓA:

1. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA:

1.1 Tại đầu nguồn:

Trước khi tiến hành giao hàng lên phương tiện cho bên B chuyên chở. Đại diện hai bên cùng tiến hành kiểm tra kết cấu và các giấy tờ pháp lý, các trang thiết bị bảo quản

hàng hóa, niêm phong kẹp chì của phương tiện theo quy định tại Điều II, nếu phương tiện đủ điều kiện chuyên chở sẽ tiến hành các bước tiếp theo để giao, nhận hàng.

- Giao nhận qua cân (hoặc món nước) do Công ty Cổ phần giám định thuộc Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc hoặc do các đơn vị bán than cho bên A lựa chọn tại hợp đồng mua bán than của bên A chủ trì thực hiện và cung cấp kết quả giao nhận.

+ Giao nhận qua cân: Theo phương thức, quy định tại cảng xếp, dỡ.

+ Giao nhận món nước: Theo quy định về giao nhận bằng giám định món nước hiện hành.

- Đại diện các bên cùng tham gia giao nhận: lấy mẫu, chia mẫu, phân tích mẫu, lưu mẫu, đối chiếu và khiếu nại kết quả phân tích với bên A (Trong trường hợp khiếu nại về kết quả phân tích bên B phải có văn bản thông báo).

1.2 Tại cuối nguồn:

- **Trường hợp giao hàng trên sà lan tại cảng của Nhà máy Kiên Lương (Áp Lò Bom, Xã Kiên Lương, Tỉnh An Giang):** Khối lượng giao nhận giữa hai bên được xác định theo kết quả giám định món nước sà lan tại nơi giao hàng do đơn vị giám định độc lập thực hiện.

- **Trường hợp giao hàng tại Nhà máy xi măng Bình Phước (Khu phố Thanh Bình, Phường An Lộc, Thành phố Đồng Nai):** Khối lượng giao nhận hàng được xác định qua bàn cân điện tử tại nơi giao hàng căn cứ theo kết quả chứng thư giám định do đơn vị giám định độc lập phát hành.

- Kết quả giao nhận khối lượng, chất lượng tại bến cảng nhà máy xi măng Kiên Lương, nhà máy Xi măng Bình Phước do đơn vị giám định độc lập thực hiện và cung cấp kết quả.

- Đại diện các bên cùng tham gia giao nhận: lấy mẫu, chia mẫu, phân tích mẫu, lưu mẫu và đối chiếu và khiếu nại kết quả phân tích với bên A.

- Độ ẩm của than giao nhận tại cảng dỡ hàng không được vượt quá so với độ ẩm của than tại cảng xếp hàng và quy định của các Công ty xi măng. Nếu vi phạm bên A tính phạt vượt ẩm theo cách tính của các Công ty xi măng phạt trừ bên A, đơn vị mua than của bên A dừng giao nhận, bên A không chịu trách nhiệm về thời gian chờ đợi và có thể từ chối vận chuyển các chuyến tiếp theo của đoàn phương tiện.

2. KHỐI LƯỢNG HÀNG GIAO NHẬN, TỶ LỆ HAO HỤT HÀNG HÓA

2.1. Khối lượng giao nhận:

- Khối lượng hàng hoá giao nhận cuối nguồn là khối lượng ứng với độ ẩm thực tế giao nhận tại Nhà máy sau khi được quy đổi về độ ẩm theo hợp đồng mua than của bên A để tính hao hụt theo công thức TCVN 319- 69.

- Khối lượng tính cước: Là số tấn ứng với độ ẩm thực tế rót xuống phương tiện tại khu vực Hải Phòng (Trường hợp rót thiếu tải do hết than có xác nhận của bên bán than do thiếu nguồn hàng, bên B được thanh toán theo trọng tải đăng kiểm).

2.2. Hao hụt tự nhiên và sai số cân toàn tuyến:

+ KV Ninh Bình ÷ Nhà máy xi măng Kiên Lương: Không quá 0,5%.

+ KV Ninh Bình ÷ Nhà máy xi măng Bình Phước: Không quá 0,7%.

ĐIỀU IV. KHỐI LƯỢNG, ĐƠN GIÁ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

1. Đơn giá vận chuyển:

STT	Nội dung	Khối lượng dự kiến (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)		Thành tiền chưa gồm thuế GTGT (đồng)
			Chưa bao gồm thuế GTGT	Đã bao gồm thuế GTGT 8%	
1	Vận chuyển trọn gói than cám bằng đường biển từ KV Ninh Bình đến bến cảng NMXM Kiên Lương	30.000			
2	Vận chuyển trọn gói than cám bằng đường biển từ KV Ninh Bình đến kho NMXM Bình Phước	30.000			
	Tổng cộng (chưa gồm thuế GTGT)				
	Thuế GTGT 8%				
	Tổng cộng (đã gồm thuế GTGT 8%)				

(Đơn giá trên ứng với giá Dầu diesel 0,05S-II được tập đoàn xăng dầu Việt Nam Petrolimex niêm yết ngày 10/09/2026 là 28.480 đ/lít - đã bao gồm thuế GTGT)

- Sản lượng cam kết vận chuyển từ các cảng KV Ninh Bình đến bến cảng NMXM Kiên Lương, kho NMXM Bình Phước dự kiến là: 30.000 tấn x 60% = 18.000 tấn (theo xác báo cụ thể).

- Nếu bên B không hoàn thành kế hoạch theo xác báo:

+ Phạt 5% giá trị cước, trừ trường hợp có lý do chính đáng (thiếu nguồn than, chờ đợi 02 đầu bến nhiều ngày làm ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng phương tiện).

+ Đồng thời bên A sẽ chủ động phân bổ khối lượng vận tải đã cam kết trên của bên B cho đơn vị khác vận chuyển.

- Kết thúc tháng hai bên lập biên bản xác nhận khối lượng thực hiện vận chuyển các tuyến theo xác báo (giữa đại diện bên A tại đầu nguồn và bên B) để làm cơ sở thanh toán cước tháng.

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản, bù trừ công nợ.

3. Thời hạn thanh toán: Sau khi bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán do bên B cung cấp, bên A sẽ chuyển khoản cho bên B sau 15 ngày.

4. Chứng từ thanh toán gồm:

4.1. Hoá đơn GTGT của bên B.

4.2. Giấy vận chuyển hàng hóa.

4.3. Biên bản giao, nhận hàng hoá hai đầu.

4.4. Hoá đơn GTGT của bên bán than (bản sao).

5. Chứng từ kiểm soát:

5.1. Lệnh điều động hàng hóa

5.2. Biên bản kiểm tra phương tiện và niêm phong kẹp chì đầu nguồn.

5.3. Phiếu chất lượng hai đầu.

5.4. Các biên bản phổ thông phát sinh khác (nếu có).

ĐIỀU 5. NGUYÊN TẮC ĐỐI CHIẾU VÀ BỒI THƯỜNG HÀNG HOÁ:

2. Nguyên tắc đối chiếu:

- Khối lượng hàng hoá vận chuyển được đối chiếu theo tuyến vận chuyển và theo chủng loại than.

- Kết thúc hợp đồng hai bên đối chiếu khối lượng hàng hoá, các phát sinh khác (nếu có) làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

2. Bồi thường hàng hoá:

- Khối lượng tính hao hụt hàng hoá quy về độ ẩm mua hàng đầu nguồn theo hợp đồng mua than của bên A (trước khi phạt các yếu tố khác như tăng ẩm, nhảy cấp).

2.1. Bồi thường hàng hoá (nếu còn niêm phong kẹp chì):

- Lượng hàng hoá thiếu hụt từng chuyến ứng với tỷ lệ hao hụt thực tế $\leq 1,8\%$ so với hàng nhận tại đầu nguồn thì được bù trừ và áp dụng tỷ lệ hao hụt tự nhiên sai số đo mớn, cân cho phép (0,5% đối với vận chuyển đi Kiên Lương hoặc 0,7% đối với vận chuyển đi Bình Phước). Kết thúc hợp đồng, sau khi bù trừ nếu quá tỷ lệ bên B phải bồi thường phần quá tỷ lệ đó.

- Lượng hàng hoá thiếu hụt từng chuyến ứng với tỷ lệ hao hụt thực tế $> 1,8\%$ so với hàng nhận tại đầu nguồn bên B không được bù trừ và không được tính tỷ lệ hao hụt tự nhiên và sai số đo mớn, cân cho phép (0,5% đối với vận chuyển đi Kiên Lương hoặc 0,7% đối với vận chuyển đi Bình Phước), mà phải bồi thường toàn bộ số hàng thiếu của chuyến đó.

- Hàng hoá thiếu hụt, tổn thất trong mọi trường hợp kể cả rủi ro (va đập vào đá ngầm, chìm, đắm...) bồi thường 100% khối lượng theo mức: 100% giá bán than của bên A theo hoá đơn cuối nguồn, bao gồm cả thuế GTGT hiện hành (trừ trường hợp bất khả kháng theo luật định).

2.2. Phạt vượt ẩm quá quy định:

- Trường hợp vận chuyển thẳng đến các Công ty xi măng: Nếu độ ẩm cuối nguồn cao hơn đầu nguồn và quá quy định của các Công ty xi măng thì bên B chịu phạt khấu trừ khối lượng hàng hoá theo quy định của các Công ty xi măng phạt trừ bên A.

- Trường hợp vận chuyển đến các Công ty XM chưa phạt trừ vượt ẩm quá quy định hoặc vận chuyển qua bãi thì áp dụng: Nếu độ ẩm than cuối nguồn tăng quá 1,5 % so với đầu nguồn mà bên B được tiến hành trả hàng: Ngoài việc tính toán quy đổi để giao nhận hàng hoá theo quy định hiện hành bên B sẽ bị phạt bổ xung phần thuỷ phần làm tăng độ ẩm than quá 1,5% theo TCVN: 319- 69 như sau:

$$M_{ph} = M_{CN} \times \frac{(W_{CN} - 1,5) - W_{ĐN}}{100 - W_{ĐN}}$$

Trong đó:

- M_{Ph} : Khối lượng nước bị phạt trừ (tấn).
- M_{CN} : Khối lượng hàng ứng với độ ẩm thực tế cuối nguồn (tấn).
- $W_{ĐN}$: Độ ẩm thực tế đầu nguồn (%).
- W_{CN} : Độ ẩm thực tế cuối nguồn (%).

- Giá trị tính phạt do độ ẩm tăng quá 1,5 % sẽ là:

Tiền phạt = M_{Ph} x giá mua than của bên A theo hoá đơn đầu nguồn.

2.3. Phạt do suy giảm chất lượng:

Nếu bên A phát hiện bên B thay đổi chất lượng than so với đầu nguồn, bên B phải bồi thường cho bên A:

a. Trường hợp than bị nhảy cấp:

Bồi thường 200% giá trị chênh lệch ứng với khối lượng hàng vận chuyển nhảy từ cấp than “A” xuống cấp than “B” theo giá bán than của đơn vị bán than cho bên A tại đầu nguồn và toàn bộ các chi phí phát sinh (nếu có).

Ngoài việc bồi thường thiệt hại trên bên A có thể tăng cường thêm một số biện pháp :

- Mức phạt bổ xung cho hành vi làm suy giảm chất lượng than từ 50-100% giá trị thiệt hại (hoặc 15% giá trị lô hàng).

- Dừng vận chuyển đối với đoàn phương tiện hoặc dừng HĐKT tùy thuộc vào mức độ vi phạm.

- Đề nghị truy tố trước pháp luật về tội chiếm đoạt tài sản.

b. Trường hợp than chưa nhảy cấp:

b.1: Phạt giá trị chênh lệch ứng với khối lượng hàng có độ tro $A^{k\%} > 0,5\%$ so với đầu nguồn theo công thức:

$$M_{Phat} = M^{mua hàng}_{ĐN} [A^{k_{CN}} - (A^{k_{ĐN}} + 0,5)] / A^{k_{ĐN}}$$

Trong đó:

- M_{Phat} : Khối lượng bị phạt trừ (tấn).
- $M^{mua hàng}_{ĐN}$: Khối lượng hàng ứng với độ ẩm mua hàng đầu nguồn(tấn).
- $A^{k_{CN}}$: Độ tro thực tế cuối nguồn (%).
- $A^{k_{ĐN}}$: Độ tro thực tế tại đầu nguồn(%)

Giá trị tính phạt do độ tro tăng $> 0,5\%$ sẽ là:

Tiền phạt = M_{Phat} x giá mua than của bên A theo hoá đơn đầu nguồn.

b.2: Phạt giá trị chênh lệch ứng với khối lượng hàng có nhiệt năng Q^k của than cuối nguồn thấp hơn so với đầu nguồn theo công thức:

$$M_{Phat} = M^{mua hàng}_{ĐN} [(Q^{k_{ĐN}} - Q^{k_{CN}}) / Q^{k_{ĐN}}]$$

Trong đó:

- M_{Phat} : Khối lượng bị phạt trừ (tấn).
- $M^{mua hàng}_{ĐN}$: Khối lượng hàng ứng với độ ẩm mua hàng đầu nguồn(tấn).
- $Q^{k_{CN}}$: Nhiệt năng thực tế cuối nguồn.
- $Q^{k_{ĐN}}$: Nhiệt năng thực tế tại đầu nguồn.

Giá trị tính phạt nhiệt năng sẽ là:

Tiền phạt = M_{phat} x giá mua than của bên A theo hoá đơn đầu nguồn.

ĐIỀU 6. CAM KẾT CHUNG:

- Trường hợp có sự biến động về giá dầu tăng, giảm từ 10% trở lên, hai bên trao đổi, thống nhất điều chỉnh giá cước vận chuyển bằng phụ lục hợp đồng. Cơ sở điều chỉnh đơn giá hợp đồng: “Bảng chiết tính đơn giá cho 01 tấn than” kèm theo hợp đồng. Trường hợp thị trường có sự biến động giá hoặc phát sinh các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá cước, hai bên cũng có thể thương thảo để điều chỉnh đơn giá phù hợp.

- Hai bên cam kết thi hành nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ những điều khoản và nội dung đã ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hai bên chủ động gặp nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không thương lượng được thì sẽ đưa ra tòa án có thẩm quyền tại TP. Hà Nội để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Phán quyết của tòa án sẽ là quyết định cuối cùng được hai bên thực hiện.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, bên A: 02 bản, bên B: 02 bản có nội dung, giá trị giống nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/03/2027.

ĐẠI DIỆN BÊN A

.....

ĐẠI DIỆN BÊN B

.....